

CÔNG THƯƠNG

TẠP CHÍ - CƠ QUAN THÔNG TIN LÝ LUẬN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG ISSN: 0866-7756

VIET NAM TRADE AND INDUSTRY REVIEW

CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

SỐ 1 - THÁNG 1/2020



8 934602 001 078

Website: <http://tapchicongthuong.vn>



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Trần Tuấn Anh
GS.TS. Trần Thọ Đạt
GS.TS. Trần Văn Địch
GS.TS. Nguyễn Bách Khoa
GS.TSKH. Đỗ Ngọc Khuê
GS.TSKH. Bành Tiến Long
GS.TSKH. Nguyễn Xuân Quỳnh
GS.TS. Đinh Văn Sơn
GS.TSKH. Trần Văn Sung
GS.TS. Lê Văn Tán
GS. TS. Phạm Minh Tuấn
GS.TSKH. Đào Trí Úc
GS.TSKH. Đặng Ứng Vận
GS.TS. Võ Khánh Vinh

TỔNG BIÊN TẬP

ThS. Đặng Thị Ngọc Thu

ĐT: 0968939668

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Ngô Thị Diệu Thúy

ĐT: 024.22218228 - 0903223096

TÒA SOẠN

Tầng 8, số 655 Phạm Văn Đồng,
Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Ban Trị sự - ĐT: 024.22218238

Fax: 024.22218237

Ban Thư ký - Xuất bản

ĐT: 024.22218230

Ban Biên tập - ĐT: 024.62701436

Ban Phóng viên - ĐT: 024.22218239

Ban Chuyên đề - ĐT: 024.22218229

Ban Tạp chí Công Thương Điện tử

ĐT: 024.22218232

Email: online@tapchicongthuong.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN PHÍA NAM

Số 12 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đa Kao,
Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 38213488 - Fax: (028) 38213478

Email: vpddpntapchicongthuong@gmail.com

Giấy phép hoạt động báo chí số:

60/GP-BTTTT

Cấp ngày 05/3/2013

Trình bày: Tại Tòa soạn

In tại Công ty CP Đầu tư và

Hợp tác quốc tế

Giá 250.000 đồng

Website: www.tapchicongthuong.vn

MỤC LỤC

CONTENTS

ISSN: 0866-7756 số 1 - Tháng 1/2020

LUẬT

NGUYỄN THỊ YẾN - PHẠM THỊ THANH HƯƠNG

Phát triển hộ kinh doanh lên doanh nghiệp: Thực tiễn và các vấn đề pháp lý

Developing the business household to the company model: Current situation and related legal issues8

NGUYỄN THỊ HÀ - NGUYỄN THỊ HẠNH

Hoàn thiện pháp luật và tăng cường gia nhập các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường biển ở Việt Nam

Improving the effectiveness of Vietnam's law on marine environmental protection and promoting Vietnam's

accession to international conventions on marine environmental protection15

BÙI XUÂN THẮNG

Hoàn thiện pháp luật xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi khai thác khoáng sản

làm vật liệu xây dựng trái phép

Improving the effectiveness of the law on sanctioning of administrative violations

for illegal construction minerals exploration activities.....20

LÊ THỊ MINH THƯ

Quy định về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Crime for making super high-interest loans via civil transactions on the Criminal Code 2015

(amended and supplemented in 2017)26

CAO THỊ THÙY NHƯ

Công khai thông tin dự án PPP phục vụ hoạt động giám sát của cộng đồng - Bất cập và kiến nghị

Disclosure of information about PPP projects for the community supervision: Shortcomings and Solutions32

ĐOÀN TRỌNG CHÍNH

Tình tiết định khung phạm tội có tổ chức trong tội cướp tài sản quy định tại Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015

(Sửa đổi, Bổ sung năm 2017)

The aggravating framework for organized crime in the case of property robbery in Article No.168

of the Criminal Code 2015 (amended and supplemented in 2017)39

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Pháp luật về điều kiện giao dịch chung của CHLB Đức, Anh và Việt Nam

Laws on general terms and conditions of Germany, England and Vietnam.....44

HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG

Bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội tại một số điểm mới ở những nguyên tắc cơ bản của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015

Ensuring the human rights of the accused at some new points in the basic principles

of the Criminal Procedure Code 201552

KINH TẾ

TRẦN VĂN THIÊN

Kinh tế số và cơ hội của nguồn nhân lực Thành phố Hồ Chí Minh

Digital economy and opportunities for human resources of Ho Chi Minh City56

PHẠM THỊ THANH BÌNH

Áp dụng mô hình DEA hai giai đoạn trong phân tích hiệu quả sử dụng các khoản mục chi phí sản xuất:

Trường hợp nghề nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Quảng Ngãi

Adopting a two-phase DEA model to analyze the efficiency indices of input cost items:

The case of white-leg shrimp farming in Quang Ngai Province61

TRẦN TỰ LỰC

Liên kết phát triển du lịch ở tỉnh Quảng Bình

Tourism development linkages of Quang Binh Province.....67

NGUYỄN THỊ THAO

Du lịch xanh: Giải pháp phát triển du lịch bền vững của huyện đảo Phú Quốc

Green tourism: The solution to develop Phu Quoc island's tourism sustainably73

VÕ HOÀNG AN

Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đối với ngành Cao su Việt Nam

Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership: Opportunities and challenges

for Vietnam's rubber industry79

NGUYỄN VĂN ÍT - HOÀNG THỊ CHỈNH

Tác động của hoạt động trách nhiệm xã hội tích cực, tiêu cực đến hình ảnh thương hiệu

và hiệu quả tài chính của nhà hàng, khách sạn tại Thành phố Hồ Chí Minh

Positive and negative impact of corporate social responsibility activities to the brand image

and the financial performance of restaurants and hotels located in Ho Chi Minh City.....84

VŨ THỊ HẢI ANH

Cơ hội và thách thức cho hàng nông sản Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu

Opportunities and challenges of Vietnamese agricultural products when participating in global value chains.....93

NGUYỄN VĂN QUANG

Chiến lược nâng cấp chuỗi giá trị toàn cầu hàng may mặc Việt Nam

The strategy for upgrading the level of Vietnam in the global apparel value chain99

ĐẶNG ĐÌNH ĐỨC

Thực trạng và giải pháp phát triển các khu công nghiệp tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Current situation and solutions for the development of industrial parks in the Central key economic region109

PHAN THỊ XUÂN HUỆ

Thực trạng ngành Cao su sau khi Việt Nam ký kết Hiệp định CPTPP

The situation of Vietnam's rubber industry after the CPTPP takes effect118

LƯU THANH TÂM

Phát triển kinh tế ban đêm tại các thành phố của Việt Nam

Developing night - time economy in cities of Vietnam124

QUẢN TRỊ - QUẢN LÝ

HÀ THỊ THU THỦY

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học công nghệ

Improving the quality of the science and technology's human resources130

VŨ THỊ YẾN

Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài khi về nước

Factors affecting the supporting job creation policy for workers working abroad when they back home.....134

PHAN DIỆU HƯƠNG

Nghiên cứu khả năng và yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn thiết bị tiết kiệm điện sau tăng giá điện sinh hoạt

Research on the possibilities of choosing energy saving devices after the increase in electricity price139

HOÀNG MẠNH DŨNG - NGUYỄN HOÀNG NHỰT

Định vị mô hình văn hóa doanh nghiệp tại Tập đoàn Hoa Sen (giai đoạn 2020 - 2022)

Positioning the corporate culture model of Hoa Sen Group (2020 - 2022).....146

NGUYỄN THỊ HÀ - PHẠM QUỲNH ANH

Đánh giá tác động của Chương trình Khoa học và Công nghệ: Kinh nghiệm một số nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam

Impact evaluation of science and technology programs: Experience from some countries in the world and lessons for Vietnam152

NGUYỄN THANH TUẤN - HỒ TIẾN DŨNG

Các nhân tố ảnh hưởng đến sự thỏa mãn công việc, cam kết với tổ chức và ý định ở lại tổ chức của nhân viên công nghệ thông tin tại TP. Hồ Chí Minh

Factors impact the job satisfaction, the commitment to the organization and the intention to stay of staff working in Ho Chi Minh City's information industry sector158

NGUYỄN HỒNG HÀ - LÊ THỊ KIM CHI

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động tại các khu công nghiệp tỉnh Trà Vinh

Factors affect the income of employees working in Tra Vinh Province's industrial parks166

ĐINH PHI HỔ - VÕ LÝ HOÀI VŨ - TẠ MINH KHÔI - ĐẶNG VĂN CÔNG

Mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ hành chính công, hình ảnh, hài lòng và tín nhiệm của người dân (Trường hợp nghiên cứu ở TP. Phan Thiết)

Relationships among the quality of public administrative service, images, satisfaction and credit from local residents: Case study in Phan Thiet City, Vietnam.....174

TRẦN TẤN HÙNG - NGÔ THỊ MỸ THÚY

Vai trò của doanh nghiệp với giáo dục đại học Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

The role of Vietnam's enterprises in higher education sector in the context of Industry 4.0184

PHẠM NGỌC DUY - NGUYỄN TRUNG QUÂN

Container hóa với điện toán đám mây: Giải pháp xu thế trong phát triển và triển khai ứng dụng doanh nghiệp

Containerization with cloud computing: A trending solution for enterprise application development and deployment191

CAO THỊ NGỌC YẾN

Ảnh hưởng của phương tiện truyền thông đại chúng trong kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam

Impacts of mass media in the state power control in Vietnam201

ĐINH VĂN TOÀN

Tổ chức quản lý trong trường đại học trước yêu cầu của đổi mới quản trị đại học và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

The change in governance approach of universities in the context of innovation start-up207

NGÔ THỊ BẢO HƯƠNG

Nhận thức về quản trị quan hệ khách hàng của các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt may Việt Nam
The awareness among textile enterprises under the Vinatex of customer relationship management213

NGUYỄN NGỌC LÂN - PHẠM THỊ THU HÀ

Mô hình xác định giá cận biên trong dự án hợp tác công tư giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân
Marginal pricing model for public-private partnerships projects between state-owned enterprises and private enterprises.....218

KINH DOANH

HOÀNG THỊ THANH

Nghiên cứu thái độ người tiêu dùng đối với hoạt động marketing trực tiếp của doanh nghiệp bán lẻ trên địa bàn Thành phố Hà Nội
Studying the consumer attitude towards direct marketing activities of retail enterprises in Hanoi224

NGUYỄN TRƯỜNG DUY - BÙI THÀNH KHOA - NGUYỄN VĂN THANH TRƯỜNG

Các yếu tố ảnh hưởng đến mối quan hệ khách hàng và ý định mua sắm sản phẩm thời trang Việt Nam
Factors affecting the customer relationship and the intention to purchase Vietnamese fashion products230

NGUYỄN MINH TRIẾT - HOÀNG MẠNH DŨNG

Các yếu tố chất lượng dịch vụ du lịch ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách nội địa tại Bãi Sau - thành phố Vũng Tàu
Service quality factors that impact the domestic tourists' satisfaction at Vung Tau Back Beach.....236

TRẦN VIỆT HƯNG

Kiểm soát chất lượng sản phẩm cá ngừ đại dương Việt Nam, nhìn từ chuỗi cung ứng sản phẩm cá ngừ Phillipine
Controlling the quality of Vietnam's tuna products based on experiences of Phillipines' tuna supply chains243

LÊ THỊ ANH - HOÀNG THỊ THANH TÂM - PHẠM THỊ HƯƠNG HUỖN

Hành vi mua rau an toàn của người dân thành thị trong điều kiện thông tin bất đối xứng: Trường hợp địa bàn Hà Nội
The safe vegetables buying behavior of urban residents living in Hanoi in case of asymmetric information252

NGUYỄN VĂN TUẤN

Xúc tiến thương mại hàng nông sản chủ lực của tỉnh Bắc Giang - Những vấn đề cấp thiết đặt ra
Main challenges for the trade promotion of Bac Giang Province's main agricultural products.....257

TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - BẢO HIỂM

HOÀNG THỊ PHƯƠNG LAN - NGUYỄN HỒNG VÂN

Xây dựng mô hình nâng cao năng lực tài chính của các doanh nghiệp cảng biển Việt Nam
Building a model for improving the financial capacity of Vietnam's port enterprises.....261

TRẦN HOÀNG TRÚC LINH

Ngành Tài chính - Ngân hàng trước làn sóng Fintech trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0
Impacts of the Fintech wave on the financial and banking sector267

NGÔ VĂN HẬU - LÊ LONG HẬU

Hoàn thiện công tác kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản tại Kho bạc Nhà nước huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng
Improving the effectiveness of the control of capital construction investment expenditure at State Treasury of My Tu District, Soc Trang Province.....273

NGÔ THỊ HỒNG ÁNH

Doanh nghiệp chuyển nhượng bất động sản ở Việt Nam: Khe hở pháp luật thuế và khuyến nghị

Real estate transfer activities in Vietnam: Legal Loopholes and Recommendations278

NGUYỄN QUANG TÂM

Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của khách hàng cá nhân tại Sacombank

Factors affecting the intention of using e-banking services of individual customers at Sacombank.....284

ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG

Bài toán tăng vốn điều lệ tại 4 ngân hàng thương mại: Vietcombank, Vietinbank, BIDV, Agribank

Solutions to increase charter capital at 4 commercial banks in Vietnam: Vietcombank, Vietinbank, BIDV and Agribank...294

HUỖNH THỊ THANH PHƯƠNG - TRƯƠNG THỊ THUÝ VÂN

Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên với tổ chức tại Ngân hàng Nông nghiệp

và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang

Factors affecting the employee's engagement with the organization at Vietnam Bank

for Agriculture and Rural Development - An Giang Province Branch300

ĐINH PHI HỒ

Mối quan hệ giữa Gắn kết - Trung thành - Hiệu quả tổ chức ở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh tỉnh Bình Thuận

Relationships among the commitment, loyalty and organizational performance at Vietnam bank for Agriculture

and Rural Development - Binh Thuan Province Branch, Vietnam.....306

KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

LÊ VIỆT

Vận dụng mô hình kết hợp TAM và TPB để đánh giá việc áp dụng IFRS tại các doanh nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh

Applying the combination of TAM and TPB model for assessing the IFRS implication into enterprises located

in Ho Chi Minh City317

MAI THANH HẰNG

Một số giải pháp nhằm hoàn thiện việc thực hiện hóa đơn điện tử trong công tác kế toán tại doanh nghiệp Việt Nam

Some solutions to promote the implementation of electronic invoices in Vietnamese enterprises.....324

HÓA HỌC - CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

NGUYỄN NGỌC THẮNG - VÕ THỊ LAN HƯƠNG

Nghiên cứu khả năng hòa tan và tái sinh fibroin tơ tằm bằng các hệ dung môi

A study on the dissolution and regeneration of Vietnam Bombyx mori silk fibroin by using cosolvent systems.....328

NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY - NGUYỄN NGỌC YẾN DIỆU

- TẠ THỊ MỸ DUNG - TRẦN HOÀI HẬU - TRẦN CHÍ HẢI

Nghiên cứu quá trình trích ly saponin triterpenoid tổng từ lá đinh lăng với sự hỗ trợ của enzyme cellulase

Cellulase - assisted extraction of the total triterpenoid saponins

from *Polyscias Fruticosa* (L.) Harms leaves.....337

NGUYỄN THỊ HIỀN - NGUYỄN THỊ HỒNG THẢO - NGUYỄN HỒNG PHÚC - NGUYỄN KIM PHỤNG

Khảo sát khả năng chống hóa nâu của Acid Ascorbic và ảnh hưởng nhiệt độ sấy

đến chất lượng trái bần (*Sonneratia caseolaric* L.)

Studying how the resistance of ascorbic acid to browning and drying temperature impact

on the quality of the fruit of *Sonneratia caseolaric* L.342

THỰC TRẠNG NGÀNH CAO SU SAU KHI VIỆT NAM KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH CPTPP

● PHAN THỊ XUÂN HUỆ

TÓM TẮT:

Sản xuất và chế biến sản phẩm cao su xuất khẩu là một trong những ngành sản xuất quan trọng của Việt Nam. Hội nhập kinh tế đã mang lại nhiều cơ hội phát triển cho ngành, như: mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài vào ngành Cao su,... Tuy nhiên, hội nhập cũng tạo ra những khó khăn, thách thức lớn cho ngành, như: Cạnh tranh về giá, chất lượng, thương hiệu sản phẩm,... Bài viết đề cập đến thực trạng và giải pháp phát triển ngành Cao su Việt Nam sau khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực.

Từ khóa: Hiệp định CPTPP, ngành Cao su, xuất khẩu, đầu tư nước ngoài, Việt Nam.

1. Tổng quan thị trường cao su thế giới

Cây cao su được trồng chủ yếu ở các nước Đông Nam Á, châu Phi và một phần nhỏ ở châu Mỹ. Theo báo cáo của Hiệp hội Các quốc gia sản xuất cao su thiên nhiên, trước năm 2010, nhu cầu cao su tự nhiên toàn cầu tăng trưởng trung bình 5% mỗi năm, nhưng gần đây tăng chậm. Lượng tiêu thụ cao su thế giới năm 2017 đạt 12,86 triệu tấn, đến năm 2018 đạt 14,02 triệu tấn và tăng lên 14,59 triệu tấn trong năm 2019. Tuy nhiên, thị trường vẫn trong tình trạng dư thừa, do sản lượng cao su thiên nhiên thế giới trong năm 2017 là 13,45 triệu tấn, năm 2018 đạt 13,96 triệu tấn và tăng lên 14,84 triệu tấn trong năm 2019. (Hình 1)

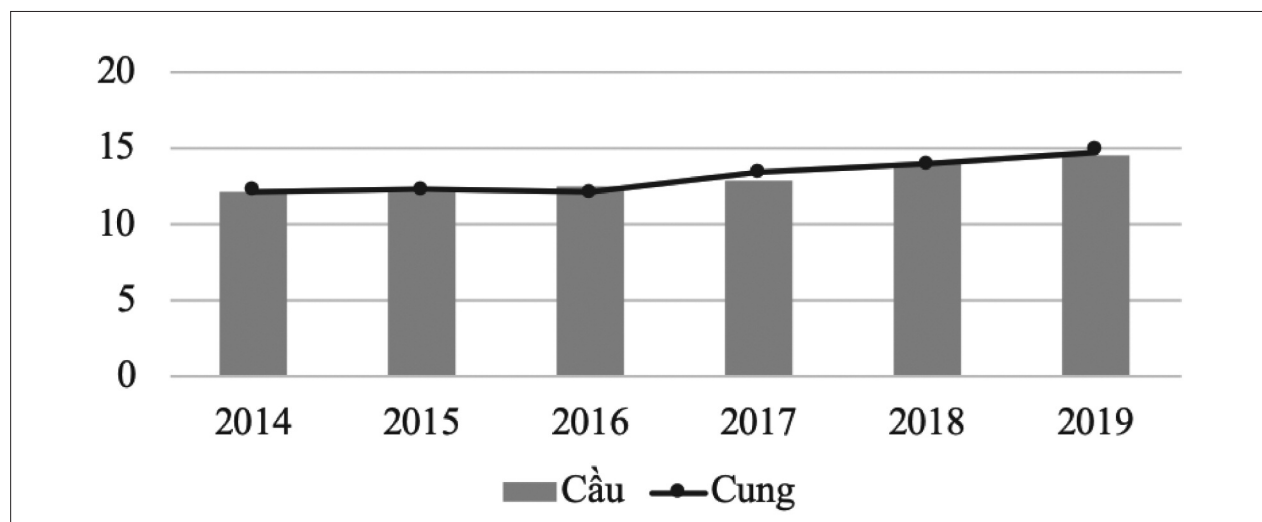
Tình trạng cung vượt cầu đã gây áp lực rất lớn đến giá cao su trong những năm qua. Giá giảm dẫn đến lợi ích kinh tế từ cây cao su giảm, nên người trồng cao su không chú trọng đầu tư.

2. Thực trạng ngành Cao su Việt Nam

2.1. Về sản xuất

Điểm tích cực là Việt Nam tiếp tục giữ vững vị trí thứ hai về năng suất vườn cây, thứ ba về sản lượng, thứ tư về xuất khẩu trên thế giới. Năm 2018, Việt Nam tiếp tục duy trì vị trí này, với sản lượng 1.142 nghìn tấn trên diện tích 965.400 hecta. Cùng với tăng về sản lượng, năng suất cây cao su tại Việt Nam cũng tăng đáng kể, nhờ áp dụng các giống cao sản và tiến bộ trong kỹ thuật

Hình 1: Cung cầu cao su thiên nhiên thế giới giai đoạn 2014 - 2019



Nguồn: Niên giám thống kê 2018

trồng và chăm sóc. Việt Nam đã giữ mức năng suất bình quân 1,6 - 1,7 tấn/ha/năm và là mức cao nhất tại khu vực châu Á, đứng thứ hai trên thế giới trong những năm gần đây. Năng suất cao là một trong những yếu tố quan trọng giúp người trồng cao su tại Việt Nam chống chịu và ứng phó linh hoạt khi giá thấp kéo dài từ năm 2012 đến nay. (Bảng 1)

2.2. Về xuất khẩu

Giá trị đóng góp vào tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành Cao su không chỉ từ nguồn nguyên liệu cao su thiên nhiên, mà còn từ các sản phẩm cao su và sản phẩm gỗ cao su của ngành Công nghiệp chế biến. Việt Nam xuất khẩu cao su vào hơn 60 thị trường tại các nước trên thế giới. Tuy nhiên, Trung Quốc, Ấn Độ, và Hàn Quốc là

Bảng 1. Diện tích, sản lượng và năng suất cây cao su tại Việt Nam

Năm	Tổng diện tích (ha)	DT thu hoạch (ha)	Sản lượng (tấn)	Năng suất (kg/ha/năm)
2010	748.700	439.100	751.700	1.712
2011	801.600	460.000	789.300	1.716
2012	917.900	510.000	877.100	1.720
2013	958.800	548.100	946.900	1.728
2014	978.900	570.000	966.600	1.696
2015	985.600	604.300	1.012.700	1.676
2016	973.500	621.400	1.035.300	1.666
2017	969.700	653.200	1.094.500	1.676
2018	965.400	686.400	1.142.000	1.664

Nguồn: Niên giám thống kê 2018

3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong năm 2019, chiếm thị phần lần lượt là 66,5%, 8,3% và 3%. Theo Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cho biết khối lượng xuất khẩu cao su năm 2018 là 1,56 triệu tấn, tương ứng giá trị 2,09 tỉ USD, với giá xuất khẩu bình quân 1.338USD/tấn, so với năm 2017 tăng 13,3% về sản lượng và giảm 7,0% về giá trị, do giá xuất khẩu giảm. Đến năm 2019, sản lượng xuất khẩu tăng hơn so với năm 2018, sản lượng đạt 1,68 triệu tấn, tương ứng 2,26 tỉ USD, tăng 7,7% về khối lượng và tăng 8,0% về giá trị so với năm 2018, giá xuất khẩu bình quân 1.343 USD/tấn. (Hình 2)

Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản dự báo thị trường cao su Việt Nam có dấu hiệu khởi sắc trong năm 2020, do thỏa thuận thương mại Mỹ - Trung có triển vọng đạt được từng phần. Bên cạnh đó, thị trường hy vọng việc cắt giảm lãi suất của Trung Quốc sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kích thích nhu cầu tiêu thụ cao su. Ngoài ra, theo Hội đồng Cao su Quốc tế ba bên (ITRC), sản lượng cao su của các nhà sản xuất cao su tự nhiên hàng đầu thế giới như

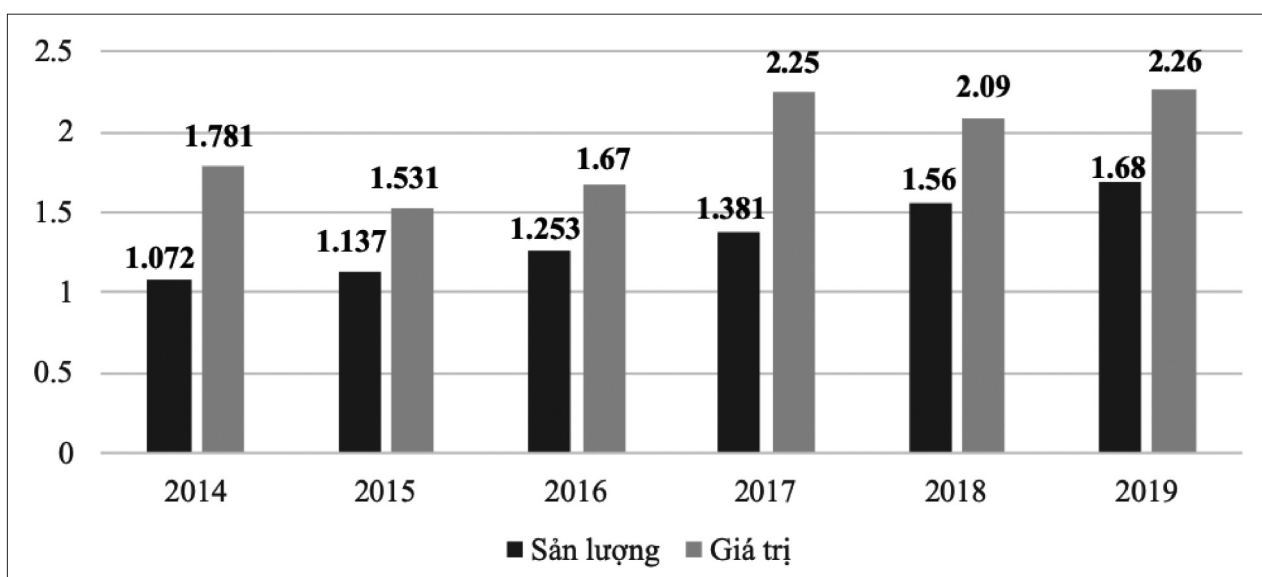
Thái Lan, Indonesia và Malaysia dự báo giảm 800.000 tấn, do ảnh hưởng bởi bệnh nấm.

3. Cơ hội và thách thức của ngành Cao su khi Việt Nam ký kết CPTPP

3.1. Cơ hội

Theo nghiên cứu dự báo tác động TPP tới Việt Nam của Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR), Việt Nam là nước được hưởng lợi nhiều nhất về kinh tế trong số các nước tham gia CPTPP. Hiệp định CPTPP mang đến cho ngành Cao su nhiều cơ hội, tiềm năng và triển vọng. Đối với cao su thiên nhiên, CPTPP sẽ đưa thuế nhập khẩu từ 3% giảm còn 0%, theo đó mỗi nước thành viên CPTPP sẽ có lộ trình cắt giảm riêng cho từng nhóm sản phẩm và sẽ loại bỏ hoàn toàn thuế quan trong vòng 16 năm, sau khi CPTPP có hiệu lực. Do đó, CPTPP tạo cơ hội cho sản phẩm cao su Việt Nam mở rộng thị trường đến các nước mà công nghiệp chế biến cao su chưa phát triển nhiều như Peru, Chile, Brunei, New Zealand, Úc. Đồng thời, các doanh nghiệp Việt Nam có thể nhập khẩu máy móc, thiết bị hiện đại từ các nước có thể mạnh như Nhật Bản, Canada,

Hình 2: Sản lượng và giá trị xuất khẩu cao su giai đoạn 2014 - 2019



Nguồn: Niên giám thống kê 2018

Singapore với mức thuế 0% để nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm, tăng năng lực cạnh tranh.

Theo Hiệp hội Cao su Việt Nam, nhu cầu cao su thiên nhiên của thế giới vẫn trong xu hướng tăng liên tục theo sự phát triển kinh tế toàn cầu, đặc biệt là của các ngành công nghiệp sản xuất ô tô, giao thông vận tải, xây dựng, y tế và hàng tiêu dùng. Bên cạnh đó, ngành Cao su cũng có nhiều thuận lợi khi được Nhà nước công nhận là cây “đa mục tiêu”, vừa góp phần phát triển kinh tế đất nước, vừa cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội cho vùng nông thôn, đồng thời phủ xanh đất trống, rừng nghèo để góp phần bảo vệ môi trường

Thu hút đầu tư nước ngoài vào ngành Cao su: Khi CPTPP có hiệu lực, nếu sản xuất ở Việt Nam và xuất khẩu cao su qua các nước thành viên CPTPP như Nhật Bản, Úc... sẽ được hưởng thuế suất 0%. Nhờ vậy, các khu công nghiệp và ngành Cao su Việt Nam có cơ hội thu hút đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài nhằm tận dụng ưu đãi về nguồn nguyên liệu tại chỗ và thuế; đồng thời sẽ có điều kiện hợp tác, liên doanh liên kết trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

3.2. Thách thức

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, ngành Cao su đang đối mặt với nhiều thách thức. Trong xu hướng cung vượt cầu, sự cạnh tranh giữa các nước sản xuất và xuất khẩu cao su thiên nhiên sẽ trở nên gay gắt hơn về giá thành, hiệu quả đầu tư kinh doanh, nhất là về chất lượng sản phẩm và uy tín thương mại. Những nguồn nguyên liệu khác cạnh tranh với cao su thiên nhiên vẫn đang phát triển nhanh như cao su nhân tạo tổng hợp từ dầu thô và cao su từ các cây khác. Chất lượng cao su của Việt Nam chưa thực sự đồng đều, thương hiệu chưa mạnh. Một số lô hàng của tiểu điền chưa đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đã ảnh hưởng đến uy tín của toàn ngành Cao su Việt Nam, kéo giá trị xuất khẩu giảm vì giá thấp hơn thị trường quốc tế. Mặt khác, cũng theo Hiệp hội Cao su Việt Nam, cơ cấu và chủng loại cao su thiên nhiên của Việt Nam còn lệ thuộc nhiều vào thị trường tiêu thụ của Trung Quốc và chỉ đáp ứng

một phần nhu cầu của các thị trường khác, do vậy gặp nhiều khó khăn trong việc thâm nhập thị trường lớn như Nhật Bản.

Cạnh tranh với các sản phẩm cao su xuất khẩu sang các nước trong CPTPP: Tham gia CPTPP, nếu sản phẩm cao su của Việt Nam xuất khẩu qua các nước trong CPTPP được hưởng thuế 0%, thì Thái Lan, Malaysia, Indonesia cũng vậy. Vì vậy, nếu chất lượng sản phẩm chưa cao, thương hiệu không tốt, giá cả kém cạnh tranh, chính sách bán hàng không linh hoạt, Việt Nam sẽ rất khó cạnh tranh với các nước trong CPTPP.

Ngoài ra, cơ chế quản lý và môi trường kinh doanh chưa đồng bộ cũng gây khó khăn cho ngành và doanh nghiệp. Chính sách thuế và thuế giá trị gia tăng chưa tạo điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp ngành Cao su. Thuế giá trị gia tăng đối với mũ cao su sơ chế cần được áp dụng như các nông sản sơ chế khác để thúc đẩy xuất khẩu trong lúc cung vượt cầu.

Hệ thống quản lý cấp quốc gia về chất lượng cao su thiên nhiên chưa chặt chẽ trên cả nước, chỉ mới áp dụng tốt ở những doanh nghiệp lớn. Hiện vẫn còn thiếu rào cản thương mại và kỹ thuật để ngăn chặn nhập khẩu hàng hóa kém chất lượng gây thiệt hại cho người tiêu dùng và cạnh tranh không lành mạnh trong nước.

4. Giải pháp phát triển bền vững ngành Cao su

Việt Nam có sản lượng xuất khẩu cao trên thế giới, nhưng đều xuất khẩu dưới dạng chế biến thô. Công nghệ chế biến còn hạn chế so với các nước trong khu vực, chưa đáp ứng được nguyên liệu cho ngành công nghiệp trong nước. Do đó, để phát triển bền vững ngành Cao su, tái cơ cấu lại ngành là cần thiết, trong đó vừa củng cố nội lực của các doanh nghiệp, vừa cần các chủ trương, chính sách và cả chiến lược phát triển từ Chính phủ đối với ngành Cao su.

4.1. Đối với Nhà nước

- Cần xây dựng chiến lược và chính sách đồng bộ đối với ngành Cao su, có lộ trình cụ thể trên cơ sở các quy hoạch của Nhà nước kết hợp

với những giải pháp khả thi, phù hợp theo đề xuất của doanh nghiệp và Hiệp hội Cao su Việt Nam.

- Tăng cường quản lý chất lượng cao su thiên nhiên và sản phẩm cao su: Xây dựng quy chuẩn hoặc quy chuẩn quốc gia về chất lượng nguyên liệu đầu vào và điều kiện sản xuất của các nhà máy chế biến để các doanh nghiệp tuân thủ một cách nghiêm túc.

- Tháo gỡ các vướng mắc về chính sách thuế: Cụ thể là giải quyết sự bất hợp lý về thuế giá trị gia tăng đối với mủ cao su sơ chế như những nông sản khác.

- Hỗ trợ Hiệp hội Cao su Việt Nam xây dựng thương hiệu ngành và hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, nhằm tăng khả năng cạnh tranh. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại cho ngành Cao su để mở rộng và đa dạng hóa thị

trường, giảm rủi ro khi phụ thuộc một vài thị trường.

4.2. Đối với doanh nghiệp

- Cần liên kết chặt chẽ cùng Hiệp hội Cao su Việt Nam tạo mối liên kết theo chuỗi để tăng lợi thế cạnh tranh.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ uy tín sau bán hàng, xây dựng thương hiệu cho doanh nghiệp tiến đến xây dựng thương hiệu cho ngành Cao su Việt Nam.

- Tiếp tục nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm cao su, đẩy mạnh phát triển ngành Công nghiệp chế biến liên quan đến cao su, vừa gia tăng giá trị, vừa tạo điều kiện cho nguồn nguyên liệu trong nước được tiêu thụ một cách bền vững.

- Thúc đẩy công tác xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm để nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tiếng Việt

1. Bộ Công Thương (2018), Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam.
2. Công ty TNHH Chứng khoán ngân hàng TMCP Việt Nam (2014), Báo cáo ngành Cao su thiên nhiên Việt Nam.
3. Hiệp hội Cao su Việt Nam - Trần Thị Thúy Hoa, Năm 2017 - 2018: Dấu ấn ngành Cao su Việt Nam trên thế giới. Tạp chí Cao su Việt Nam (2018).
4. Trần Thị Thúy Hoa, Tô Xuân Phúc, Nguyễn Tôn Quyền, Cao Thị Cẩm (2018), Báo cáo ngành Cao su Việt Nam: Thực trạng và giải pháp phát triển bền vững.
5. Tổng cục Thống kê Việt Nam, Niên giám Thống kê năm 2018.
6. <http://vneconomy.vn/xuat-khau-nong-lam-thuy-san-nam-2019-chan-nuoi-va-cao-su-la-diem-sang-20200106093235743.htm>

Ngày nhận bài: 6/12/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 16/12/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 26/12/2019

Thông tin tác giả:

ThS. PHAN THỊ XUÂN HUỆ

Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Trà Vinh

THE SITUATION OF VIETNAM'S RUBBER INDUSTRY AFTER THE CPTPP TAKES EFFECT

● Master. **PHAN THI XUAN HUE**

Department of Economics, Faculty of Economics – Law,
Tra Vinh University

ABSTRACT:

Producing and processing rubber products for export is one of the important manufacturing industries in Vietnam. The country's economic integration process has brought many development opportunities for the industry like the expansion of export markets and the increase in foreign investment. However, the economic integration also creates great challenges for the industry, such as the competition on price, quality and product brands. This article presents the current situation and proposes development solutions to Vietnam's rubber industry after the CPTPP agreement takes effect.

Keywords: CPTPP agreement, rubber industry, foreign investment, Vietnam.